

Phụ lục I
NGUỒN VỐN PHÂN BỐ CHO TIÊU DỰ ÁN 1 DỰ ÁN 3
(Kèm theo Công văn số:1609 /SNN-PTNT ngày 21 /5/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

T T	DỰ ÁN	TỪ THÁNG 7 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2021						NĂM 2022						NĂM 2023						NĂM 2024					
		NSTW		NSDP		Huy động khác		NSTW		NSDP		Huy động khác		NSTW		NSDP		Huy động khác		NSTW		NSDP		Huy động khác	
		Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án
III	DA 3: Hỗ trợ ph.triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng																								
I	Tiêu DA 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp							433	100					1,165	86.7	178	13.3			1,227	87	184	13		

Phụ lục III

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 1 DỰ ÁN 3

(Kèm theo Công văn số: 1609 /SNN-PTNT ngày 21 /5/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Giai đoạn 2021 - 2025	Tổng từ tháng 7/2021 đến hết tháng 5/2024	Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình					Ghi chú
				Kết quả huy động từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021	Kết quả huy động năm 2022	Kết quả huy động năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện 4 tháng đầu năm 2024	
			T =(1) +(2) +(4)	(1)	(2)	(3)		(4)	
	TỔNG SỐ								
I	Ngân sách Trung ương								
1	Sự nghiệp								
II	Ngân sách địa phương								
1	Tỉnh								
2	Huyện								
3	Xã								
III	Vốn lồng ghép								
IV	Vốn tín dụng								
V	Vốn doanh nghiệp								
VI	Huy động từ người dân và cộng đồng								
1	Tiền mặt								
2	Ngày công và hiện vật quy đổi					1,933	1,752	1,752	

Phụ lục IV
BẢNG TỔNG HỢP

Kết quả thực hiện các Dự án hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Tiểu Dự án 1 Dự án 3 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững
(Ước kết quả đến ngày 31/12/2024)

TT	Xã, TT	Tên Dự án	Địa bàn thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng số hộ tham gia (hộ)	Trong đó số hộ được hỗ trợ				Tỷ lệ đối tượng hỗ trợ (%)	Tổng kinh phí thực hiện (1000 đồng)	Trong đó			Tổng KP thu hồi luân chuyển (1000.đồng)	Tổng số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo sau khi tham gia dự án
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo	Người khuyết tật có sinh kế ổn định			NSNN hỗ trợ (1000. đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)	Đối ứng của dân (1000. đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	$11 = (7+8+9+10)/6 * 100$	12	13	14	15	16	17
Năm 2022																
	A	Dự án HTPTSX cộng đồng														
1																
2																
...																
	B	Dự án HTPTSX liên kết theo chuỗi giá trị														
1																
2																
...																
Năm 2023																
	A	Dự án HTPTSX cộng đồng														
1	xã Phước Thành	Dự án chăn nuôi bò cái sinh sản	Thôn Cảnh an 1, 2; Bình an 1,2	18 tháng (từ tháng 11/2023-5/2025)	22	21	1			366.7	1,662,225	771,225	46.4	891,000	4,827	Trên 80%
2	xã Phước Lộc	Dự án chăn nuôi bò cái sinh sản	Thôn Hanh Quang, Phong tấn, Đại Tín, Quảng Tín, Phú Mỹ 2, Trung Thành	18 tháng (từ tháng 11/2023-5/2025)	22	11	10		1	366.7	1,669,379	793,779		875,600	4,959	Trên 80%

[illegible]

Phụ lục II
KẾT QUẢ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN PHÂN BỐ CHO TIỂU DỰ ÁN 1 DỰ ÁN 3

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	DỰ ÁN	TỪ THÁNG 7 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2021						NĂM 2022						NĂM 2023						NĂM 2024					
		NSTW		NSDP		Huy động khác		NSTW		NSDP		Huy động khác		NSTW		NSDP		Huy động khác		NSTW		NSDP		Huy động khác	
		Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án	Số tiền	% theo Dự án
III	DA 3: Hỗ trợ ph.triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng																								
1	Tiểu DA 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp													Đã giải ngân 1.457 triệu đồng (còn 141 triệu chưa đến thời gian giải ngân theo qui định dự án)	85	178	10			Chưa giải ngân, vì dự án mới thẩm định xong, đang triển khai					